TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2025/DS-ST
Ngày: 28/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1814/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 667/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1640/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: 266-268 đường Na, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: 16/3 đường N, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(theo văn bản ủy quyền số 1611/2024/UQ-TT-XLN lập ngày 23/9/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần A).

2. Bị đơn: Ông Võ Tuấn D, sinh năm 1980 – (vắng mặt)

Thường trú: Tổ 7, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: 389/26/1/1 đường Q, khu phố 24, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Ngày 08/6/2022, ông Võ Tuấn D có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 140.422.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 88.911.000 đồng (theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chỉ trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do vậy, ngày 26/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là căn cứ theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử vụ kiện ông D còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 73.499.908 đồng và tiền lãi quá hạn 48.225.049 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu ông D phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các điều khoản hai bên đã thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng tín dụng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Tuấn D phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2025 là 121.724.957 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 73.499.908 đồng và tiền nợ lãi quá hạn 48.225.049 đồng.

- Buộc ông Võ Tuấn D phải tiếp tục thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tính từ ngày 29/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng đã ký giữa các bên.

(2) Bị đơn ông Võ Tuấn D không hợp tác khi được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện, ông D liên tục vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn ông Võ Tuấn D vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn Bình có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông

Võ Tuấn D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với ông Võ Tuấn D phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện ông Võ Tuấn D có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức và thực tế đang cư trú tại địa chỉ: 389/26/1/1 Quốc lộ 13, khu phố 24, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Tuấn D tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dung kiêm hợp đồng ký ngày 08/6/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) giữa ông Võ Tuấn D với Ngân hàng thương mại cổ phần A là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ Hợp đồng đã giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định, ông Võ Tuấn D được Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp thẻ tín dụng có số thẻ 356480-4546, có hạn mức tín dụng 70.000.000 đồng với mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày 28/3/2025, ông Võ Tuấn D đã thực hiện các giao dịch của thẻ tín dụng với tổng số tiền là 140.422.000 đồng, nợ tiền lãi trễ hạn là 1.610.089 đồng, lãi vượt hạn mức là 145.869 đồng, phí sử dụng dịch vụ thẻ 6.185.354 đồng và tiền lãi phát sinh giữa các kỳ thanh toán là 62.272.645 đồng, tổng cộng là 210.635.957 đồng. Ông Võ Tuấn D đã thanh toán tổng số tiền là 88.911.000 đồng, còn nợ lại Ngân hàng tổng số

tiền là 121.724.957 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 73.499.908 đồng và nợ tiền lãi là 48.225.049 đồng).

Nhận thấy, Ngân hàng thương mại cổ phần A đã chuyển khoản nợ của các thẻ tín dụng đã cấp cho ông Võ Tuấn D sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 28/3/2025), ông Võ Tuấn D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 121.724.957 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 73.499.908 đồng và nợ tiền lãi là 48.225.049 đồng). Xét thấy, bị đơn ông Võ Tuấn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần A. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án mở phiên phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 29/3/2025) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Tuấn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ các Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Võ Tuấn D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền còn nợ là 121.724.957 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 73.499.908 đồng và nợ tiền lãi là 48.225.049 đồng).

- Kể từ ngày 29/3/2025, ông Võ Tuấn D còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dung kiêm hợp đồng ký ngày 08/6/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cho đến khi ông Võ Tuấn D thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 6.086.248 đồng, buộc ông Võ Tuấn D phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 2.504.379 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu: BLTU/24P và số 0043978 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên